

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A1 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A1	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	30/11/2011	Nữ	28.75	
2	10A1	Võ Thị Thanh Ngân	13/08/2011	Nữ	28.50	
3	10A1	Nguyễn Huỳnh Khánh Vân	17/03/2011	Nữ	28.25	
4	10A1	Trần Ngọc Thanh Tuyền	12/04/2011	Nữ	28.00	
5	10A1	Nguyễn Phương Vy	07/11/2011	Nữ	28.00	
6	10A1	Võ Phạm Gia Hân	18/02/2011	Nữ	28.00	
7	10A1	Phạm Nguyễn Anh Khoa	06/07/2011	Nam	28.00	
8	10A1	Cao Ngọc Nhã Phương	14/07/2011	Nữ	28.00	
9	10A1	Nguyễn Quỳnh Anh	23/02/2011	Nữ	28.00	
10	10A1	Phan Phương Thảo	20/07/2011	Nữ	27.75	
11	10A1	Đào Ngọc Huỳnh Chi	06/07/2011	Nữ	27.75	
12	10A1	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	14/04/2011	Nữ	27.75	
13	10A1	Phạm Nguyễn Anh Thư	02/10/2011	Nữ	27.50	
14	10A1	Bùi Ngọc Lan Thanh	13/05/2011	Nữ	27.50	
15	10A1	Lê Nguyễn Thị Ngọc Diễm	09/03/2011	Nữ	27.50	
16	10A1	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	30/03/2011	Nữ	27.50	
17	10A1	Đoàn Mỹ Vân Hạ	21/11/2011	Nữ	27.50	
18	10A1	Trần Ngọc Yên Vy	14/04/2011	Nữ	27.25	
19	10A1	Nguyễn Huỳnh Hồng Ngọc	11/06/2011	Nữ	27.25	
20	10A1	Nguyễn Thị Phương Anh	07/03/2011	Nữ	27.25	
21	10A1	Nguyễn Thái Khôi Nguyên	27/07/2011	Nam	27.25	
22	10A1	Đinh Thị Phương Dung	30/05/2011	Nữ	27.25	
23	10A1	Trương Ngọc Bảo Trân	09/08/2011	Nữ	27.00	
24	10A1	Ngô Nguyễn Ngọc Hân	23/11/2011	Nữ	27.00	
25	10A1	Nguyễn Trường Minh Thư	30/01/2011	Nữ	27.00	
26	10A1	Nguyễn Thanh Diệu	21/01/2011	Nữ	27.00	
27	10A1	Phan Thị Thanh Thúy	06/10/2011	Nữ	26.75	
28	10A1	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngân	03/09/2011	Nữ	26.75	
29	10A1	Huỳnh Trung Nam	11/07/2011	Nam	26.75	
30	10A1	Nguyễn Thị Như Quỳnh	14/12/2011	Nữ	26.75	
31	10A1	Nguyễn Lê Thiện Tâm	03/07/2011	Nữ	26.75	
32	10A1	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	10/08/2011	Nữ	26.75	
33	10A1	Trần Quang Đạt	03/06/2011	Nam	26.75	
34	10A1	Hồ Thúy Kiều	02/07/2011	Nữ	26.50	
35	10A1	Nguyễn Hoàng Khang	09/06/2011	Nam	26.50	
36	10A1	Nguyễn Ngọc Sang Sang	25/10/2011	Nữ	26.50	
37	10A1	Nguyễn Thị Ngọc Mai	24/02/2011	Nữ	26.50	
38	10A1	Trần Ngọc Phụng	18/02/2011	Nữ	26.50	
39	10A1	Nguyễn Gia Huy	30/10/2011	Nam	26.50	
40	10A1	Phan Nguyễn Thùy Trang	26/01/2011	Nữ	26.25	
41	10A1	Trần Thanh Thảo	07/01/2011	Nữ	26.25	
42	10A1	Huỳnh Ngọc Yến Xuân	17/02/2011	Nữ	26.25	
43	10A1	Nguyễn Huỳnh Minh Khang	09/04/2011	Nam	26.25	
44	10A1	Nguyễn Thanh Phương	25/04/2011	Nữ	26.25	

Danh sách có 44 học sinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A2 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A2	Nguyễn Huỳnh Trà Mi	25/12/2011	Nữ		Tuyển thẳng
2	10A2	Nguyễn Ngọc Trà My	29/08/2011	Nữ	26.00	
3	10A2	Đông Quang Bảo	24/10/2011	Nam	26.00	
4	10A2	Trần Thị Bích Tuyền	30/10/2011	Nữ	25.75	
5	10A2	Nguyễn Thị Quỳnh Như	04/10/2011	Nữ	25.75	
6	10A2	Nguyễn Thị Huỳnh Như	06/07/2011	Nữ	25.50	
7	10A2	Hoàng Thụy Hồng Tươi	14/04/2011	Nữ	25.50	
8	10A2	Võ Đăng Khoa	10/06/2011	Nam	25.25	
9	10A2	Nguyễn Minh Khoa	19/01/2011	Nam	25.00	
10	10A2	Lê Thị Đăng Thùy	28/03/2011	Nữ	25.00	
11	10A2	Trần Lê Gia Hân	11/01/2011	Nữ	24.75	
12	10A2	Trương Thị Hồng Ngọc	06/03/2011	Nữ	24.75	
13	10A2	Võ Trung Thiện	12/11/2011	Nam	24.50	
14	10A2	Nguyễn Hoàng Nam	03/03/2011	Nam	24.50	
15	10A2	Hà Phan Minh Tâm	09/07/2011	Nam	24.25	
16	10A2	Võ Hoàng Tuấn	17/03/2011	Nam	24.00	
17	10A2	Đoàn Phạm Tiến Đạt	13/10/2011	Nam	24.00	
18	10A2	Nguyễn Thanh Phong	25/07/2011	Nam	24.00	
19	10A2	Võ Hồng Ngọc	03/03/2011	Nữ	23.75	
20	10A2	Phan Lê Phát Tài	26/01/2011	Nam	23.75	
21	10A2	Nguyễn Văn Đăng	13/08/2011	Nam	23.50	
22	10A2	Trần Đình Sơn	11/06/2011	Nam	23.50	
23	10A2	Đặng Minh Quân	23/11/2011	Nam	23.50	
24	10A2	Võ Trần Khánh Vy	13/09/2011	Nữ	23.25	
25	10A2	Trần Huỳnh Bảo Trân	30/01/2011	Nữ	23.00	
26	10A2	Trương Nguyễn Thành Đạt	05/12/2011	Nam	23.00	
27	10A2	Nguyễn Yến Nhi	01/07/2011	Nữ	23.00	
28	10A2	Trần Thị Yến Nhi	22/02/2011	Nữ	22.75	
29	10A2	Võ Nguyễn Hoàng Khang	02/05/2011	Nam	22.50	
30	10A2	Nguyễn Minh Tiến	23/09/2011	Nam	22.50	
31	10A2	Nguyễn Thành Tiến	27/03/2011	Nam	22.25	
32	10A2	Hồ Gia Huy	27/08/2011	Nam	22.25	
33	10A2	Lê Hoàng Ánh Nhật	06/08/2011	Nữ	22.00	
34	10A2	Nguyễn Đỗ Minh Nguyên	16/09/2011	Nam	21.75	
35	10A2	Nguyễn Thành Danh	18/12/2011	Nam	21.75	
36	10A2	Trần Huỳnh Yến Nhi	16/03/2011	Nữ	21.50	
37	10A2	Võ Thành Đạt	14/12/2011	Nam	21.00	
38	10A2	Lê Đoàn Thị Yến Thy	24/11/2011	Nữ	20.75	
39	10A2	Lại Dương Bảo Nghi	05/06/2011	Nữ	20.58	
40	10A2	Đặng Tấn Sang	11/08/2011	Nam	20.50	
41	10A2	Nguyễn Hữu Nhân	07/09/2011	Nam	20.25	
42	10A2	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	28/04/2011	Nữ	20.25	
43	10A2	Hà Huy Phát	27/07/2011	Nam	18.50	
44	10A2	Võ Hồng Phúc	24/12/2011	Nữ	16.50	

Danh sách có 44 học sinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A3 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A3	Võ Hoàng Minh Tú	10/06/2011	Nữ	26.00	
2	10A3	Lê Phát Lộc	21/02/2011	Nam	26.00	
3	10A3	Nguyễn Huỳnh Tấn Phát	05/10/2011	Nam	25.75	
4	10A3	Lê Anh Khoa	20/08/2011	Nam	25.75	
5	10A3	Đình Minh Trí	27/02/2011	Nam	25.50	
6	10A3	Nguyễn Thị Kim Trúc	11/04/2011	Nữ	25.25	
7	10A3	Đoàn Khánh Thy	25/10/2011	Nữ	25.25	
8	10A3	Nguyễn Phan Anh Khoa	06/06/2011	Nam	25.00	
9	10A3	Cù Thanh Thảo Nguyên	29/04/2011	Nữ	25.00	
10	10A3	Trần Phát Đăng Khoa	31/10/2011	Nam	24.75	
11	10A3	Hồ Thị Minh Thi	21/06/2011	Nữ	24.75	
12	10A3	Trần Đức Phước	01/01/2011	Nam	24.75	
13	10A3	Nguyễn Huỳnh Trung Hiếu	10/07/2011	Nam	24.75	
14	10A3	Phạm Hoàng Lộc	06/10/2011	Nam	24.50	
15	10A3	Nguyễn Thị Trúc Nhi	08/01/2011	Nữ	24.25	
16	10A3	Nguyễn Lê Trường Duy	06/07/2011	Nam	24.00	
17	10A3	Bùi Thanh Hiếu	17/09/2011	Nam	24.00	
18	10A3	Nguyễn Ngọc Tường Vy	10/07/2011	Nữ	24.00	
19	10A3	Đoàn Gia Phúc	08/06/2010	Nam	23.75	
20	10A3	Huỳnh Thị Kim Anh	13/03/2011	Nữ	23.75	
21	10A3	Nguyễn Trường Thịnh	11/09/2011	Nam	23.50	
22	10A3	Nguyễn Quỳnh Anh Thu	03/11/2011	Nữ	23.50	
23	10A3	Trương Ngọc Bảo Yến	22/12/2011	Nữ	23.25	
24	10A3	Phạm Phúc Hưng	21/07/2011	Nam	23.25	
25	10A3	Nguyễn Lý Gia Khang	11/12/2011	Nam	23.25	
26	10A3	Nguyễn Gia Khánh	19/04/2011	Nam	23.00	
27	10A3	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/04/2011	Nữ	23.00	
28	10A3	Phạm Tuấn Kiệt	08/10/2010	Nam	22.75	
29	10A3	Nguyễn Thị Bảo Quyên	25/11/2011	Nữ	22.50	
30	10A3	Nguyễn Bảo Nam	06/08/2011	Nam	22.50	
31	10A3	Võ Thị Thu Thảo	28/06/2011	Nữ	22.50	
32	10A3	Võ Minh Trí	18/01/2011	Nam	22.25	
33	10A3	Võ Hiền Thiện Phúc	02/11/2011	Nam	22.00	
34	10A3	Nguyễn Khôi Nguyên	02/10/2011	Nam	21.75	
35	10A3	Lê Minh Thắng	22/03/2011	Nam	21.75	
36	10A3	Trương Thị Minh Thu	25/04/2011	Nữ	21.50	
37	10A3	Lê Hiếu Khang	29/04/2011	Nam	21.50	
38	10A3	Nguyễn Thị Diễm Kiều	28/04/2011	Nữ	21.00	
39	10A3	Lê Đức Thịnh	21/01/2011	Nam	20.50	
40	10A3	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	05/04/2011	Nữ	20.50	
41	10A3	Phan Tấn Lộc	01/08/2011	Nam	20.25	
42	10A3	Trần Thị Bích Tuyền	28/01/2011	Nữ	20.25	
43	10A3	Trần Ngọc Bảo Trân	18/11/2011	Nữ	18.00	
44	10A3	Trần Cao Phúc Trí	14/08/2011	Nam	15.50	

Danh sách có 44 học sinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A4 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A4	Huỳnh Tấn Phúc	10/04/2011	Nam	26.00	
2	10A4	Lý Thị Kiều Mai	28/06/2011	Nữ	25.75	
3	10A4	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	11/10/2011	Nữ	25.75	
4	10A4	Thạch Hoàng Nhân	09/02/2011	Nam	25.75	
5	10A4	Nguyễn Ngọc Diễm Phúc	28/06/2011	Nữ	25.50	
6	10A4	Nguyễn Trương Hải Thụy	18/07/2011	Nữ	25.25	
7	10A4	Nguyễn Ngọc Tú Quỳnh	26/03/2011	Nữ	25.25	
8	10A4	Trần Minh Tiến	26/04/2010	Nam	25.00	
9	10A4	Đoàn Như Nguyệt	11/11/2011	Nữ	25.00	
10	10A4	Trương Tuấn Khôi	21/07/2011	Nam	24.75	
11	10A4	Trần Nguyễn Mạnh Khang	01/06/2011	Nam	24.75	
12	10A4	Lưu Gia Bảo	09/06/2011	Nam	24.75	
13	10A4	Nguyễn Tuấn An	17/07/2011	Nam	24.50	
14	10A4	Đoàn Công Chí Tài	27/04/2011	Nam	24.50	
15	10A4	Nguyễn Mỹ Hoàng Ni	29/05/2011	Nữ	24.25	
16	10A4	Trần Hoàng Anh Thư	02/08/2011	Nữ	24.00	
17	10A4	Ngô Trọng Phú	03/02/2011	Nam	24.00	
18	10A4	Lê Thành Đại	30/05/2011	Nam	24.00	
19	10A4	Nguyễn Minh Đạt	26/12/2011	Nam	23.75	
20	10A4	Huỳnh Quang Minh	06/03/2011	Nam	23.75	
21	10A4	Trần Nguyễn Đăng Khoa	09/06/2011	Nam	23.50	
22	10A4	Trần Ngọc Minh Thùy	28/10/2011	Nữ	23.50	
23	10A4	Bùi Lê Phúc Hậu	05/03/2011	Nam	23.25	
24	10A4	Nguyễn Văn Bảo Long	26/11/2011	Nam	23.25	
25	10A4	Bùi Lê Minh Hoàn	08/03/2011	Nam	23.00	
26	10A4	Nguyễn Khánh Hưng	25/04/2011	Nam	23.00	
27	10A4	Trần Khôi My	13/12/2011	Nữ	23.00	
28	10A4	Trần Thanh Phú	06/09/2011	Nam	22.75	
29	10A4	Lê Phát Gia Bảo	15/11/2011	Nam	22.50	
30	10A4	Lương Khánh An	31/10/2011	Nữ	22.25	
31	10A4	Trần Hoài Nam	03/12/2011	Nam	22.25	
32	10A4	Võ Thị Kim Ngân	25/09/2011	Nữ	22.00	
33	10A4	Đặng Hoài Anh	12/09/2011	Nữ	21.75	
34	10A4	Võ Minh Hiền	20/06/2011	Nam	21.75	
35	10A4	Trần Thái Phước	13/12/2011	Nam	21.50	
36	10A4	Trần Thị Kim Xuân	15/09/2011	Nữ	21.50	
37	10A4	Bùi Thị Thanh Nhi	13/01/2011	Nữ	21.00	
38	10A4	Trương Nguyễn Minh An	21/06/2011	Nam	20.75	
39	10A4	Dương Hà Trọng Luân	03/10/2011	Nam	20.50	
40	10A4	Nguyễn Hoàng Gia Phát	25/04/2011	Nam	20.50	
41	10A4	Trương Hoàng Phi Long	25/01/2011	Nam	20.25	
42	10A4	Võ Hoàng Khang	04/06/2011	Nam	20.00	
43	10A4	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	11/08/2011	Nữ	17.25	
44	10A4	Trần Hoàng Phúc	29/09/2010	Nam	14.25	

Danh sách có 44 học sinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A5 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học

Chuyên đề học tập: Toán, Vật Lý, Hóa học

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A5	Lưu Thành Nam	23/12/2011	Nam	26.00	
2	10A5	Lê Thị Diễm Trang	17/06/2011	Nữ	25.75	
3	10A5	Huỳnh Nguyễn Ngọc Giàu	07/07/2011	Nữ	25.75	
4	10A5	Bùi Văn Minh Phát	25/06/2011	Nam	25.75	
5	10A5	Lê Thị Trà My	27/09/2011	Nữ	25.50	
6	10A5	Võ Tuấn Kiệt	28/10/2011	Nam	25.25	
7	10A5	Trần Ngọc Minh Châu	22/08/2011	Nữ	25.25	
8	10A5	Huỳnh Thị Quế Trâm	18/07/2011	Nữ	25.00	
9	10A5	Đỗ Thanh Ngọc	31/05/2011	Nữ	25.00	
10	10A5	Huỳnh Nhật Hữu	08/08/2011	Nam	24.75	
11	10A5	Trần Đăng Khoa	25/11/2011	Nam	24.75	
12	10A5	Đỗ Lê Minh Anh	27/11/2011	Nam	24.75	
13	10A5	Phạm Đức Huy	04/09/2011	Nam	24.50	
14	10A5	Lê Tấn Phát	30/06/2011	Nam	24.50	
15	10A5	Mai Ngọc Thảo My	06/06/2011	Nữ	24.25	
16	10A5	Đoàn Nguyễn Ngọc Kim Cương	12/04/2011	Nữ	24.00	
17	10A5	Trần Nguyễn Gia Hân	20/09/2011	Nữ	24.00	
18	10A5	Trương Hoàng Thùy Tiên	04/08/2011	Nữ	23.75	
19	10A5	Nguyễn Phạm Thảo Linh	05/01/2011	Nữ	23.75	
20	10A5	Ngô Quốc Thắng	29/08/2011	Nam	23.50	
21	10A5	Nguyễn Minh Trí	14/07/2011	Nam	23.50	
22	10A5	Trương Đại Phát	18/12/2011	Nam	23.50	
23	10A5	Huỳnh Khánh Huy	04/06/2011	Nam	23.25	
24	10A5	Lê Trần Thanh Tú	25/08/2011	Nam	23.25	
25	10A5	Phạm Trần Tuấn Anh	28/08/2011	Nam	23.00	
26	10A5	Trương Đại Thành	05/12/2011	Nam	23.00	
27	10A5	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/07/2011	Nữ	22.75	
28	10A5	Phạm Trương Trọng Hiếu	01/05/2011	Nam	22.67	
29	10A5	Nguyễn Minh Khôi	17/07/2011	Nam	22.25	
30	10A5	Phạm Quỳnh Như	21/06/2011	Nữ	22.25	
31	10A5	Huỳnh Như Ý	26/03/2011	Nữ	22.00	
32	10A5	Phan Đoàn Khánh Vy	07/10/2011	Nữ	21.75	
33	10A5	Nguyễn Gia Hưng	19/08/2011	Nam	21.75	
34	10A5	Phạm Bảo Hân	19/08/2011	Nữ	21.50	
35	10A5	Trần Thị Mai Thi	08/09/2011	Nữ	21.00	
36	10A5	Phạm Thị Trà My	25/07/2011	Nữ	21.00	
37	10A5	Phạm Nguyễn Duy Khang	15/08/2011	Nam	20.75	
38	10A5	Nguyễn Trường Xuân	01/01/2011	Nam	20.75	
39	10A5	Lê Ngọc Kiều Ngân	07/11/2011	Nữ	20.50	
40	10A5	Nguyễn Lê Bảo Hưng	13/03/2011	Nam	20.50	
41	10A5	Huỳnh Thị Kim Ngọc	11/09/2011	Nữ	20.25	
42	10A5	Phan Thành Lâm	06/01/2011	Nam	20.00	
43	10A5	Phan Thùy Dương	08/09/2011	Nữ	17.25	
44	10A5	Bùi Thị Tuyết Nhung	10/11/2011	Nữ	12.25	

Danh sách có 44 học sinh